

BỘ CÔNG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38 /BCA-V03

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2024

V/v đề nghị tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định, dự thảo Thông tư quy định chi thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương.....

Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024. Để triển khai thi hành Luật, bảo đảm các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành có hiệu lực thi hành cùng thời điểm với Luật, Bộ Công an đã chủ động xây dựng (1) dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, (2) dự thảo Thông tư quy định chi tiết thi hành Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Công an trân trọng gửi đến các đồng chí dự thảo Nghị định và dự thảo Thông tư nêu trên và đề nghị tham gia ý kiến. Văn bản tham gia ý kiến xin gửi về Bộ Công an (qua Cục pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp) trước ngày 16/01/2024.

Rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của các đồng chí./.

(Thông tin chi tiết xin liên hệ đồng chí Thiếu tá Lê Văn Mai, Phó trưởng phòng Phòng Pháp luật hành chính, kinh tế, dân sự - Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, SĐT: 0978.115.952)

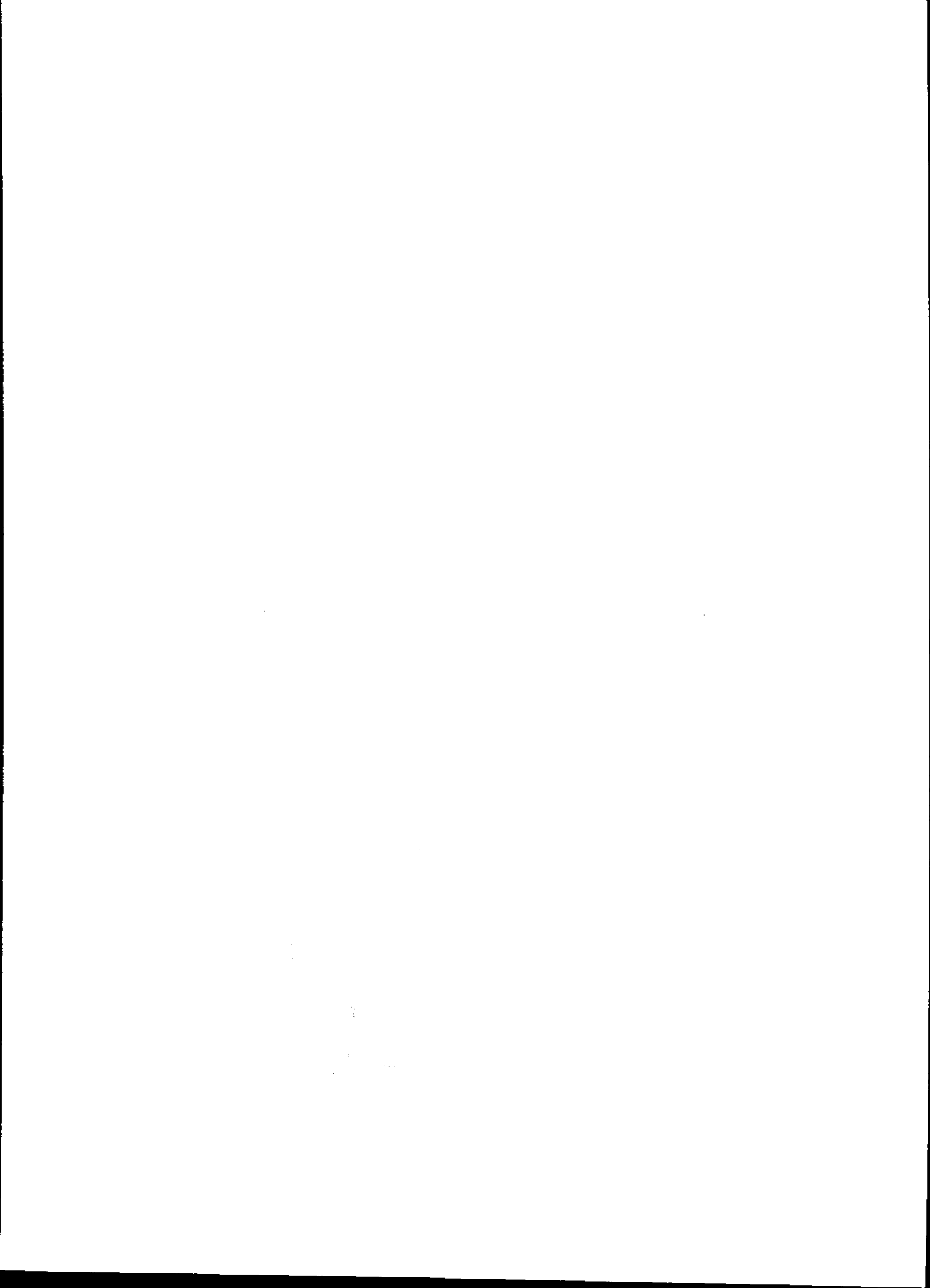
Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, V03 (P3).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trưởng-tướng Lê Quốc Hùng



Số: /TTr-BCA

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Kính gửi: Chính phủ

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Ngày 28/11/2023, Quốc hội đã thông qua Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024. Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được Quốc hội thông qua đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng, vững chắc, toàn diện cho xây dựng, củng cố, duy trì lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, kịp thời đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới và góp phần kiện toàn, sắp xếp, bố trí lực lượng, tinh gọn đầu mối gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của từng tổ chức cơ sở; bảo đảm thực hiện tốt hơn các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân.

2. Về nội dung Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở giao Chính phủ quy định chi tiết thi hành, cụ thể như sau:

a) Khoản 3 Điều 22 giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều 22 về trang phục, giấy chứng nhận, trang bị của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; cụ thể: *Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được trang bị, sử dụng trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận, phương tiện, thiết bị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ.*

b) Khoản 5 Điều 24 giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 Điều 24 về chế độ, chính sách đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị ốm đau, bị tai nạn, chết, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ; cụ thể:

- *Người chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương thì được hỗ trợ thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh.*

- *Người chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn làm suy giảm khả năng lao động theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa thì được xét trợ cấp tùy theo mức độ suy giảm khả năng lao động; nếu chết thì thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí.*

Từ những căn cứ nêu trên và để tạo cơ sở pháp lý thống nhất tổ chức thi hành Luật thì việc ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích xây dựng Nghị định

- Cụ thể hóa quy định của Luật lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở về chế độ, chính sách, bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

- Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, tương xứng hơn trong xây dựng, hoạt động, quản lý, sử dụng các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, góp phần phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác về an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Nghị định

- Tuân thủ Hiến pháp, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; bảo đảm các quy định của Nghị định được cụ thể và có tính khả thi.

- Kế thừa các quy định pháp luật còn phù hợp, khắc phục những hạn chế, bất cập để xây dựng, kiện toàn lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày càng vững mạnh, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, không chồng chéo, không mâu thuẫn và tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn cơ sở.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định đã được xây dựng trên cơ sở bám sát nội dung đã được Luật giao Chính phủ quy định chi tiết trong Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Dự thảo Nghị định đã được gửi lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Công an các đơn vị, địa phương và đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an để lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định. Các ý kiến tham gia đã được tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định gửi Bộ Tư pháp thẩm định, trình Chính phủ xem xét, quyết định.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định gồm 03 chương, 08 Điều, với những nội dung cơ bản như sau:

1. Chương I về quy định chung, gồm 02 Điều (Điều 1 và Điều 2), quy định về: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

2. Chương II về chế độ, chính sách, bảo đảm trang bị đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, gồm 04 Điều (từ Điều 3 đến Điều 6), quy định về: Trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, cấp biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; trang bị phương tiện, thiết bị cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; điều kiện, mức hưởng, trình tự, thủ tục và cơ quan có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để chi trả chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ; điều kiện, mức hưởng, trình tự, thủ tục và cơ quan có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để chi trả chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ

3. Chương III về điều khoản thi hành, gồm 02 điều (Điều 7 và Điều 8), quy định về: Hiệu lực thi hành; trách nhiệm thi hành.

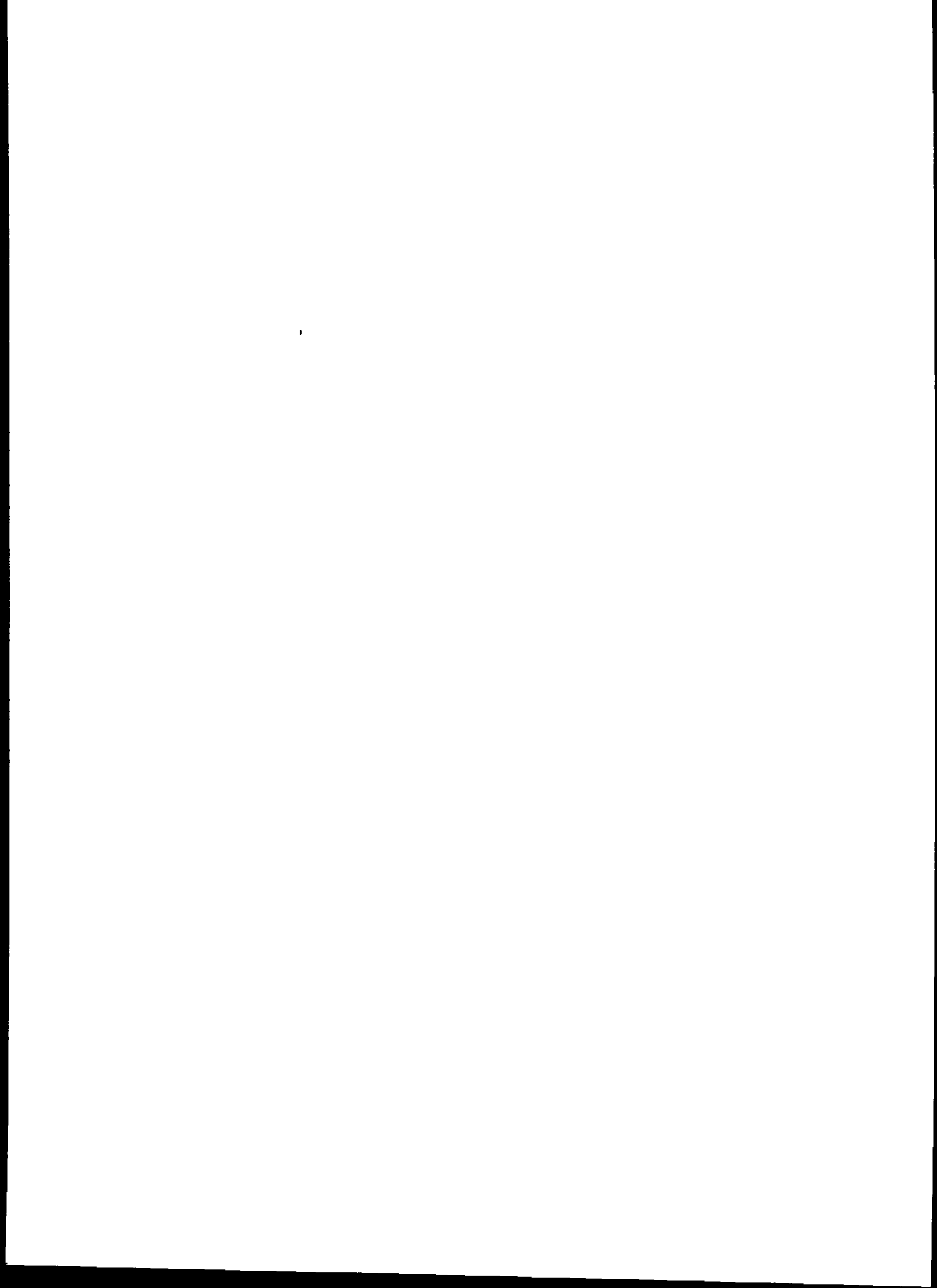
Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, Bộ Công an xin kính trình Chính phủ xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, V03.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Tô Lâm



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Dự thảo

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; cụ thể: Trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận, phương tiện, thiết bị của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; chế độ, chính sách đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị ốm đau, bị tai nạn, chết, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến chế độ, chính sách, bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Chương II

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH, BẢO ĐẢM TRANG BỊ ĐỐI VỚI LỰC LƯỢNG THAM GIA BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ Ở CƠ SỞ

Điều 3. Trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Trang phục của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở:

a) Trang phục của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bao gồm: Mũ mềm gắn huy hiệu; mũ bông; mũ bảo hiểm; quần áo xuân hè; quần áo thu đông; áo ấm; áo sơ mi; ca ra vát; dây lưng; giày da; dép nhựa có quai; bút tất.

Trang phục thu đông gồm mũ bông, quần áo thu đông, áo ấm, áo sơ mi, ca ra vát trang bị cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở thuộc các địa phương từ Thừa Thiên Huế trở ra phía Bắc và các tỉnh Tây Nguyên; các địa phương còn lại trang bị quần áo xuân hè.

b) Tiêu chuẩn, số lượng trang bị lần đầu:

STT	TÊN TRANG PHỤC	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
1.	Mũ mềm gắn huy hiệu	Cái	01
2.	Mũ bông	Cái	01
3.	Mũ bảo hiểm	Cái	01
4.	Quần áo xuân hè	Bộ	02
5.	Quần áo thu đông	Bộ	01
6.	Áo ấm	Cái	01
7.	Áo sơ mi	Cái	02
8.	Ca ra vát	Cái	01
9.	Dây lưng	Cái	01
10.	Giày da	Đôi	01
11.	Dép nhựa	Đôi	01
12.	Bút tất	Đôi	02

c) Niên hạn trang bị những năm tiếp theo:

STT	TÊN TRANG PHỤC	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	NIÊN HẠN (NĂM)
1.	Mũ mềm gắn huy hiệu	Cái	01	03
2.	Mũ bông	Cái	01	03
3.	Mũ bảo hiểm	Cái	01	05
4.	Quần áo xuân hè	Bộ	01	02
5.	Quần áo thu đông	Bộ	01	02
6.	Áo ấm	Cái	01	03
7.	Áo sơ mi	Cái	01	02
8.	Ca ra vát	Cái	01	03
9.	Dây lưng	Cái	01	03

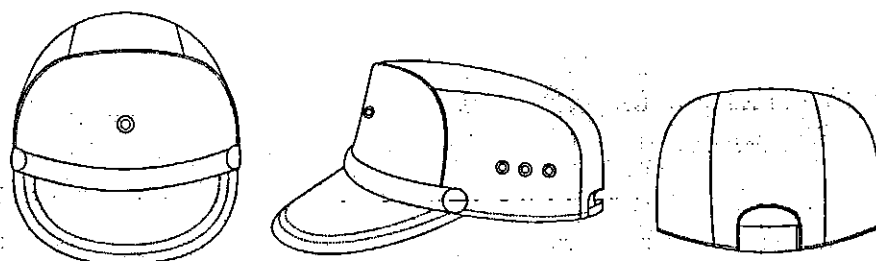
STT	TÊN TRANG PHỤC	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	NIÊN HẠN (NĂM)
10.	Giày da	Đôi	01	03
11.	Dép nhựa có quai	Đôi	01	01
12.	Bít tất	Đôi	01	02

d) Vải may quần áo xuân hè, quần áo thu đông, áo ấm, ca ra vát, mũ mềm sử dụng vải Gabadin màu cỏ úa ánh nâu làm vải chính; tỷ lệ pha 65% Polyester, 35% Visco; kiểu dệt chéo 2/1.

Vải may áo sơ mi sử dụng vải Pôpolin màu cỏ úa ánh vàng; tỷ lệ pha 65% Polyester, 35% Visco; kiểu dệt vân điểm.

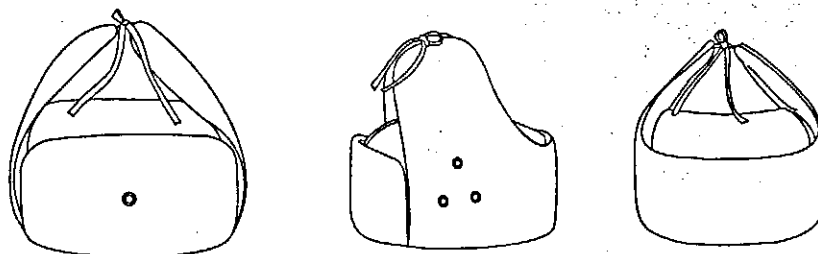
đ) Mũ mềm:

Mũ có màu cỏ úa ánh nâu; mặt mũ làm bằng nhựa cứng, quả mũ gồm bốn mảnh, phong mũ có lót, trán mũ có ô dê lấp sao hiệu; hai bên mang mũ mỗi bên có ba ô dê thoát khí; phía trong chân cầu may bằng vải giả da; phía sau mũ có dây điều chỉnh.



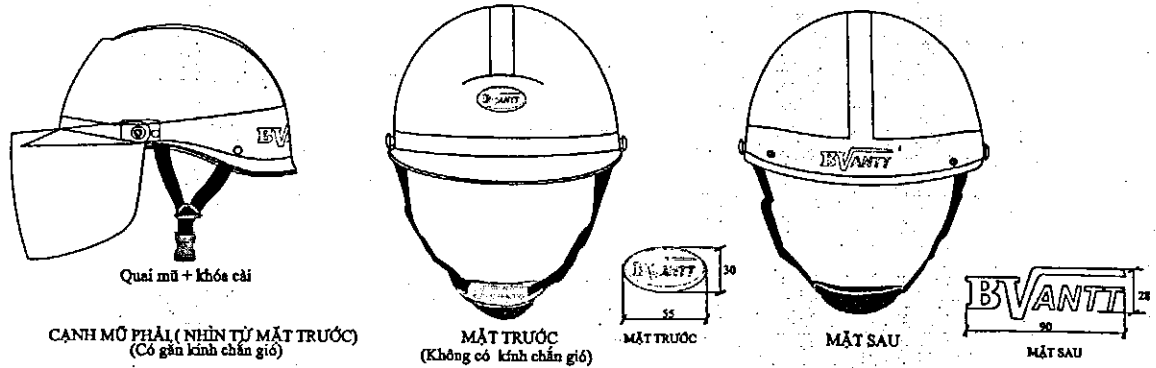
e) Mũ bông:

Mũ có màu cỏ úa ánh nâu, may kiểu ba múi, ba lớp, lớp ngoài may bằng vải chính, lớp bông may chân hình trám vào vải lót; lưới trai may lật lên phía trên tại hai góc được đính vào đường may đỉnh mũ, may che tai và gáy; dây buộc phía dưới cằm; giữa lưới trai tán ô dê gắn công an hiệu; mỗi bên mang tai tán ba ô dê để thoát khí.



g) Mũ bảo hiểm:

Mũ có màu cỏ úa; vành mũ ngang tai, có kính che mặt; logo "BVANTT" ở mặt mũ và sau gáy màu vàng, có phản quang; trong lòng mũ đệm xốp màu trắng, lót trong bằng vải ni màu đen, đỉnh đầu có lưới thoát khí; giữa quai mũ có đệm cầm, đầu dây quai gắn khóa.

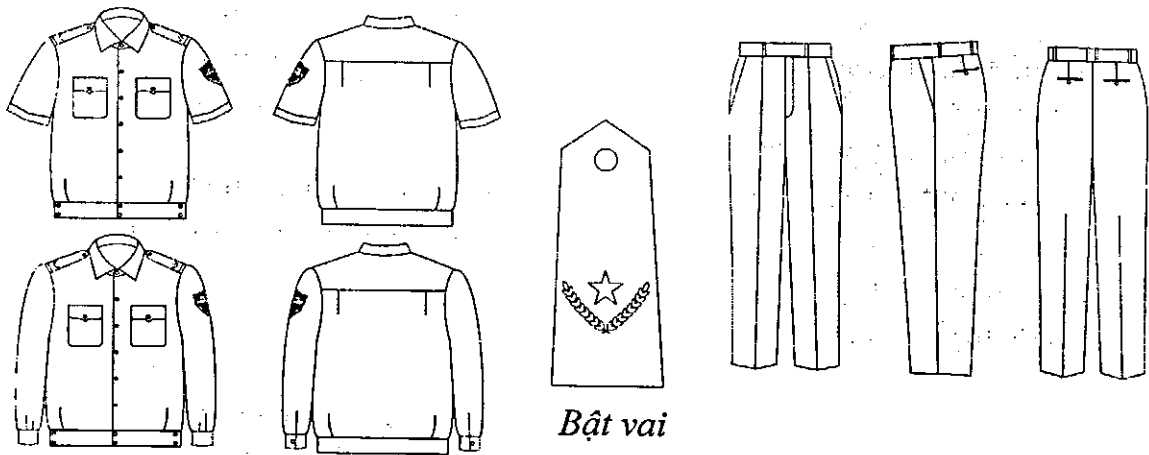


h) Quần áo xuân hè nam:

Quần áo màu cỏ úa ánh nâu. Áo kiểu bludông, cổ đứng; thân trước may hai túi ngực ốp ngoài, nắp túi sồi nhọn cài cúc; ngực áo có một hàng cúc tám chiếc bằng nhựa cùng màu áo; may bật vai, cuối bật vai thêu hai bông lúa chéo cuống màu vàng, trong lòng hai bông lúa thêu ngôi sao vàng năm cánh; thân sau may chắp cầu vai, mỗi bên xếp một ly.

Áo ngắn tay, cửa tay may lật ra ngoài. Áo dài tay may măng séc cài cúc nhựa. Đai áo thân trước và thân sau mỗi bên xếp một ly, mỗi bên sườn đính hai cúc nhựa. Phù hiệu lực lượng gắn trên cánh tay trái áo.

Quần kiểu cạp rời, hai túi sườn chéo; thân trước mỗi bên xếp hai ly lật về phía dọc quần; cửa quần may khóa kéo; cạp quần may sáu đĩa; thân sau mỗi bên may một chiết, bỏ hai túi viên.

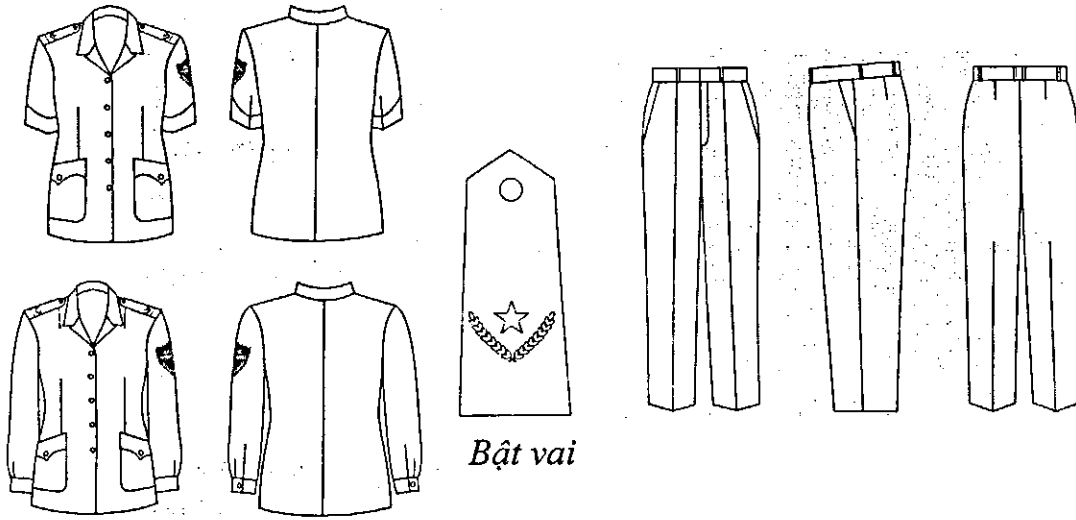


i) Quần áo xuân hè nữ:

Quần áo màu cỏ úa ánh nâu. Áo may kiểu sơ mi, chiết ly, cổ bẻ; thân trước may hai túi dưới ốp ngoài, miệng túi chéo; ngực áo có một hàng cúc năm chiếc bằng nhựa cùng màu áo; may bật vai, cuối bật vai thêu hai bông lúa chéo cuống màu vàng, trong lòng hai bông lúa thêu ngôi sao vàng năm cánh; thân sau may chắp sống lưng.

Áo ngắn tay may kiểu bán mang, cửa tay may lật ra ngoài. Áo dài tay may măng séc cài cúc nhựa. Phù hiệu lực lượng gắn trên cánh tay trái áo.

Quần kiểu cạp rời, hai túi sườn chéo; thân trước mỗi bên xếp hai ly lật về phía dọc quần; cửa quần may khoá kéo; thân sau mỗi bên may một chiết; cạp quần may sáu đĩa.

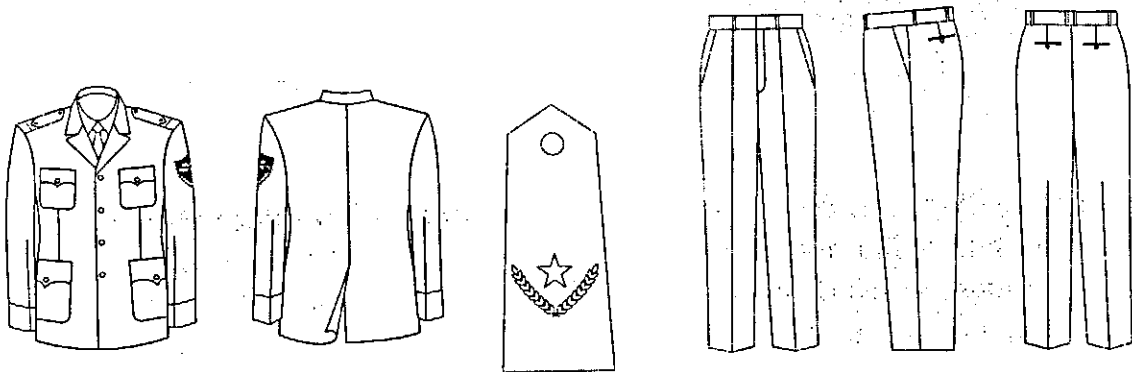


Bật vai

k) Quần áo thu đông nam:

Quần áo màu cỏ úa ánh nâu. Áo kiểu veston, cổ bẻ ve; thân trước may bốn túi ốp ngoài, có nắp; ngực áo có một hàng cúc bốn chiếc bằng nhựa cùng màu áo; may bật vai, cuối bật vai thêu hai bông lúa chéo cuống màu vàng, trong lòng hai bông lúa thêu ngôi sao vàng năm cánh; thân sau may chắp sống lưng, xẻ sống; tay kiểu hai mang, béc tay may lật ra ngoài; thân trước may nẹp liền với gia vai, chũm ngực, bên trong có lót; phía trong trên ngực mỗi bên bỏ một túi; phù hiệu lực lượng gắn trên cánh tay trái áo.

Quần tương tự quần xuân hè nam.



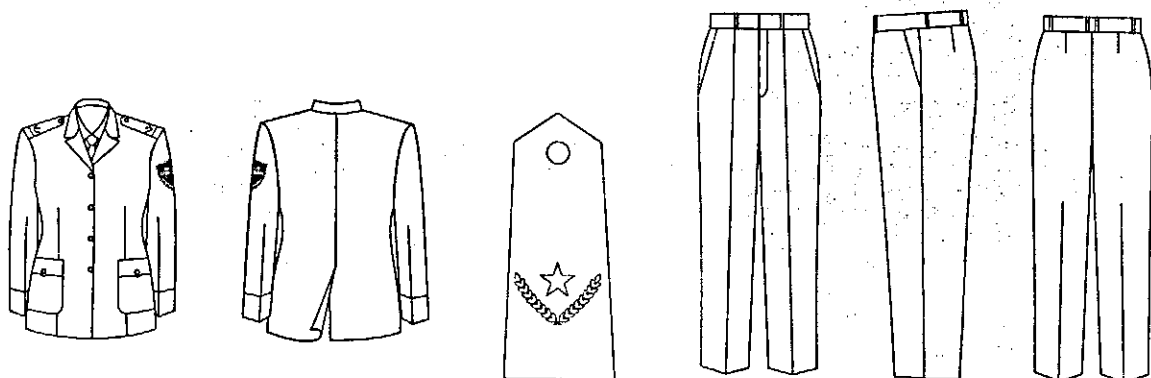
Bật vai

l) Quần áo thu đông nữ:

Quần áo màu cỏ úa ánh nâu. Áo kiểu veston, cổ bẻ ve; thân trước may hai túi dưới ốp ngoài, có nắp; ngực áo có một hàng cúc bốn chiếc bằng nhựa cùng màu áo; may bật vai, cuối bật vai thêu hai bông lúa chéo cuống màu vàng, trong lòng hai bông lúa thêu ngôi sao vàng năm cánh; thân sau may chắp sống lưng, xẻ sống; tay kiểu hai mang, béc tay may lật ra ngoài; thân trước may nẹp liền với

gia vai, chũm dựng ngực, bên trong có lót; phù hiệu lực lượng gắn trên cánh tay trái áo.

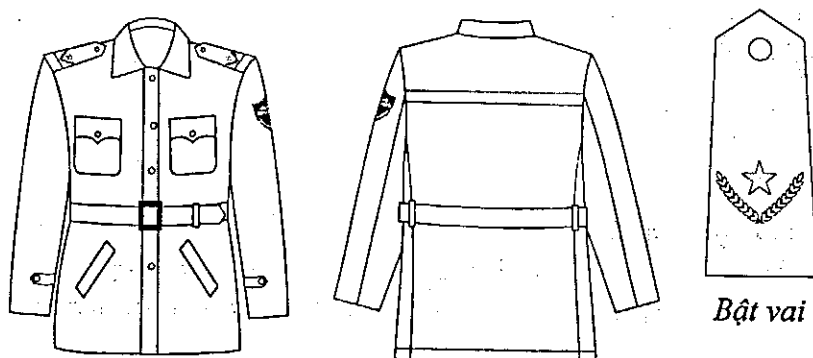
Quần tương tự như quần xuân hè nữ.



Bật vai

m) Áo ấm nam:

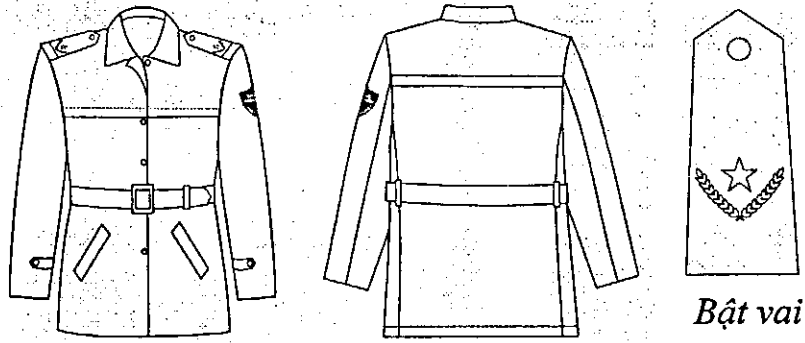
Áo màu cỏ úa ánh nâu, gồm năm lớp, cổ bẻ, không ve, thắt đai lưng; lớp lót chân bông được gắn với vỏ ngoài bằng khoá kéo; thân trước may hai túi ngực ốp ngoài, nắp túi sồi nhọn cài cúc nhựa cùng màu áo, phía dưới eo bỏ hai túi coi chéo; ngực áo có một hàng cúc năm chiếc bằng nhựa cùng màu áo; may bật vai, cuối bật vai thêu hai bông lúa chéo cuống màu vàng, trong lòng hai bông lúa thêu ngôi sao vàng năm cánh; thân sau may súp cầu vai; tay kiểu hai mang, may cá tay; tay áo lót có đính cúc cài với áo, may chun cửa tay; phù hiệu lực lượng gắn trên cánh tay trái áo.



Bật vai

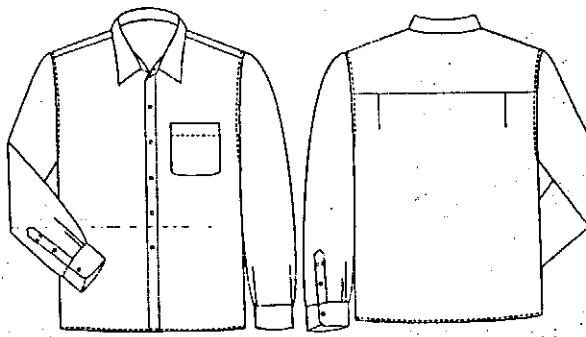
n) Áo ấm nữ:

Áo màu cỏ úa ánh nâu, gồm năm lớp, cổ bẻ, không ve, thắt đai lưng; lớp lót chân bông được gắn với vỏ ngoài bằng khoá kéo; thân trước may súp ngực, phía dưới eo bỏ hai túi coi chéo; ngực áo một hàng cúc năm chiếc bằng nhựa cùng màu áo; may bật vai, cuối bật vai thêu hai bông lúa chéo cuống màu vàng, trong lòng hai bông lúa thêu ngôi sao vàng năm cánh; thân sau may súp cầu vai; tay kiểu hai mang, may cá tay; tay áo lót có đính cúc cài với áo, may chun cửa tay; phù hiệu lực lượng gắn trên cánh tay trái áo.



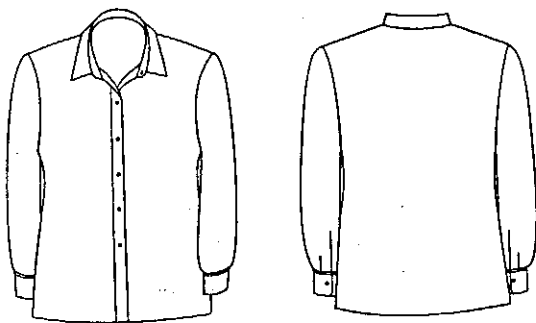
o) Áo sơ mi nam:

Áo màu cỏ úa ánh vàng, kiểu sơ mi, cổ đứng; thân trước bên trái may một túi ôp; nẹp may gập vào trong, cài sáu cúc nhựa cùng màu áo (năm cúc nẹp và một cúc chân cổ); thân sau may cầu vai rời, xếp hai ly; tay dài có măng séc cài cúc, cửa tay xếp bốn ly (mỗi bên xếp hai ly) lật về phía thép tay, thép tay có cài cúc; gấu áo thẳng.



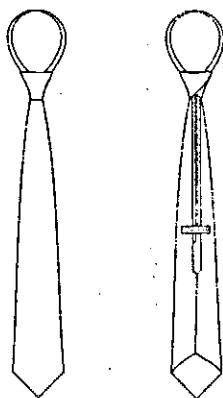
p) Áo sơ mi nữ:

Áo màu cỏ úa ánh vàng, kiểu sơ mi, cổ đứng, nẹp may gập vào trong, thân trước mỗi bên may một chiết eo, một chiết sườn; ngực áo có hàng cúc nhựa sáu chiếc cùng màu áo (năm cúc nẹp và một cúc chân cổ); thân sau may chiết hai ly; tay dài có măng séc cài cúc, cửa tay xếp hai ly (mỗi bên xếp một ly) lật về phía viền cửa tay; gấu áo thẳng.



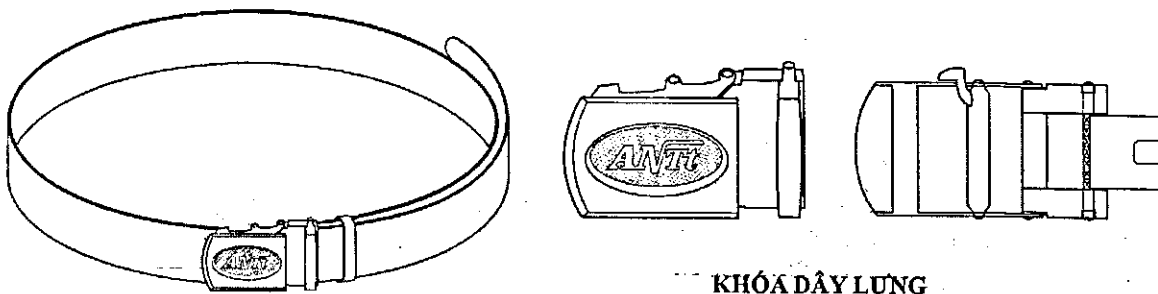
q) Ca ra vát:

Màu cỏ úa ánh nâu, may bằng vải may quần áo, thân ca ra vát hình mái chèo, củ ấu có cốt nhựa định hình, sử dụng khóa kéo có chốt hãm.



r) Dây lưng:

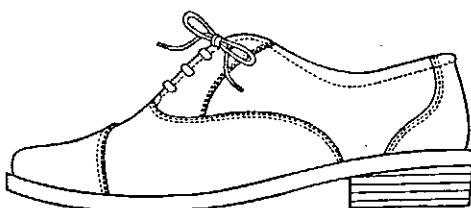
Dây màu nâu, bằng da bò; mặt khóa màu vàng; cuối dây bo tròn; mặt trong cuối dây có rãnh hãm khóa, có dây giữ đai đĩa phía đầu dây; thân khóa bằng hợp kim đúc liền khối gắn với dây bằng khóa chốt, mặt khóa đúc nổi chữ "ANTT" cách điệu nằm trong hình ô-van.



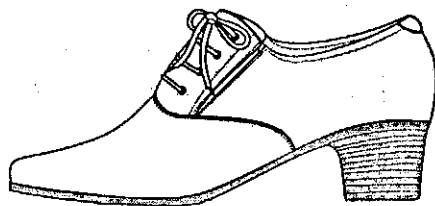
KHÓA DÂY LƯNG

s) Giày da:

Giày da nam màu đen, ngắn cổ, có bốn cặp lỗ ô dê buộc dây cố định; mũ giày kiểu vân ngang; đế giày bằng cao su đúc định hình; mặt đế có hoa văn.

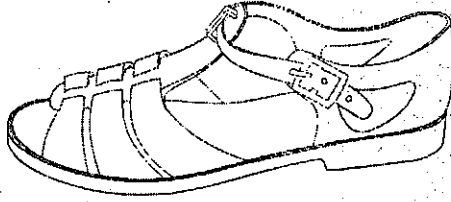


Giày da nữ màu đen, ngắn cổ, có bốn cặp lỗ ô dê buộc dây cố định; hai bên mang trong, ngoài có chun co giãn; mũ giày kiểu oxford, lặc liền không vân ngang; đế giày bằng chất liệu TPR (Thermoplastic Rubber), đúc liền gót và đế, lõi gót dùng nhựa ABS; mặt đế có hoa văn.



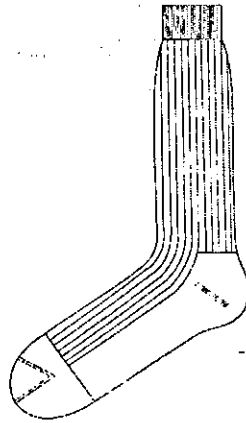
t) Dép nhựa có quai:

Dép màu nâu ánh đỏ sẫm; dép bằng nhựa, có ba quai ngang, hở mũi, bít gót, có quai cài; quai dép được đúc liền với mặt đế; mặt đế được tạo hoa văn chống trơn trượt.



u) Bít tất:

Bít tất màu cỏ úa ánh nâu; cổ chun dệt Rip 1:1, dài ống và mu bàn chân dệt Rip 2:1, gan bàn chân và gót mũi dệt kiểu single.



2. Huy hiệu của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở:

Huy hiệu bằng đồng vàng tằm liền một khối, có kích thước cao 42mm, rộng 52mm; giữa huy hiệu là biểu tượng hình lá chắn; phía trên nền huy hiệu ở giữa có hình thanh kiếm và ngôi sao năm cánh màu vàng nổi trên nền đỏ; hai bên màu xanh có hình bông lúa nổi màu vàng; phía dưới nền huy hiệu là hình nửa bánh xe và hình cuốn thư màu vàng, trên nền cuốn thư có chữ “**BẢO VỆ ANTT**” màu đỏ; bao quanh hai bên biểu tượng có cành tùng kép màu vàng.



3. Phù hiệu của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở:

Phù hiệu có hình lá chắn cao 90 mm, rộng 75 mm; phía trên nền phù hiệu có hàng chữ “**BẢO VỆ AN NINH TRẬT TỰ**”; phía dưới nền phù hiệu có hình hai bông lúa xếp chéo cuống; nền phù hiệu màu xanh lục; chữ, đường viền phù hiệu và bông lúa màu vàng.



4. Biểu hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở:

a) Biểu hiệu của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Hình chữ nhật, kích thước 5cm x 8cm; chất liệu bằng giấy cứng; nền màu vàng nhạt, in một mặt, xung quanh có khung màu đỏ nét 0,1cm và cách mép ngoài của giấy 0,3cm; các chữ trong biểu hiệu màu đỏ, phông chữ Times New Roman; chữ "UBND" in hoa, cỡ chữ 11, in đậm, ghi tên Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; chữ "LỰC LƯỢNG THAM GIA BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ Ở CƠ SỞ" in hoa, in đậm, cỡ chữ 12, canh giữa; các chữ "Họ tên", "Số hiệu", "Thành viên", "Địa bàn phụ trách" viết hoa chữ "H", "S", "T", "Đ", các chữ còn lại viết thường, cỡ chữ 10; số hiệu trùng với số ghi trong giấy chứng nhận lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; thành viên ghi cụ thể là Tổ trưởng, Tổ phó hoặc Tổ viên; địa bàn phụ trách ghi cụ thể tên thôn, tổ dân phố. Ảnh màu kiểu chân dung, phông trắng, mặc trang phục xuân hè, đội mũ có gắn huy hiệu của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Mẫu cụ thể như sau:

UBND:	
UBND:.....	
LỰC LƯỢNG THAM GIA BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ Ở CƠ SỞ	
Ảnh 2cm x3cm	Họ tên:..... Số hiệu:..... Thành viên:..... Địa bàn phụ trách:.....

b) Giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Hình chữ nhật, kích thước 7cm x 9cm; chất liệu bằng giấy cứng; mặt trước và mặt sau nền màu vàng nhạt, chữ màu đỏ; xung quanh có khung màu đỏ nét 0,1cm và cách mép ngoài của giấy 0,5cm; các chữ trong giấy chứng nhận màu đỏ, phông chữ Times New Roman. Mặt trước là chữ "CỘNG HÒA XÃ HỘI

CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” in hoa, in đậm, cỡ chữ 10, canh giữa; chữ “**Độc lập, Tự do, Hạnh phúc**” in đậm, cỡ chữ 11, canh giữa, chữ “**Đ**”, “**T**”, “**H**” viết hoa, các chữ còn lại viết thường; chữ “**GIẤY CHỨNG NHẬN LỰC LƯỢNG THAM GIA BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ Ở CƠ SỞ**” in hoa, in đậm, cỡ chữ 12, canh giữa. Mặt sau là chữ “**CHỨNG NHẬN**” in hoa, in đậm, cỡ chữ 12; chữ “**UBND**” in hoa, cỡ chữ 10, in đậm, ghi tên Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; chữ “**Số**” viết hoa chữ “**S**”, cỡ chữ 10, số giấy chứng nhận trùng với số hiệu ghi trên biển hiệu của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; các chữ “**Họ tên**”, “**Thành viên**”, “**Địa bàn phụ trách**” viết hoa chữ “**H**”, “**T**”, “**Đ**”, các chữ còn lại viết thường, cỡ chữ 10; thành viên ghi cụ thể là Tổ trưởng, Tổ phó hoặc Tổ viên; địa bàn phụ trách ghi cụ thể tên thôn, tổ dân phố. Ảnh mẫu kiểu chân dung, phong trắng, mặc trang phục xuân hè, đội mũ có gắn huy hiệu của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Mẫu cụ thể như sau:

Mặt trước:

<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></p> <p>GIẤY CHỨNG NHẬN LỰC LƯỢNG THAM GIA BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ Ở CƠ SỞ</p>

Mặt sau:

<p>UBND:..... UBND: Số:.....</p>	<p>CHỨNG NHẬN</p> <p>Họ tên:..... Thành viên:..... Địa bàn phụ trách:.....</p> <p>..., ngày ... tháng ... năm...</p> <p>Chủ tịch UBND cấp xã (ký tên, đóng dấu)</p>
<p>Ảnh 3cm x 4cm</p>	

c) Mỗi thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được cấp lần đầu 01 biển hiệu, 01 giấy chứng nhận và có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi biển hiệu, giấy

chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức in theo mẫu và quản lý việc cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi biên hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Điều 4. Trang bị phương tiện, thiết bị cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự được trang bị, sử dụng tài liệu, công cụ hỗ trợ, bảng lịch công tác, văn phòng phẩm và các phương tiện, thiết bị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ.

2. Lập kế hoạch trang bị, mua sắm phương tiện, thiết bị cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở:

a) Trường hợp Bộ Công an trang bị phương tiện, thiết bị cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở do ngân sách trung ương bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Hằng năm, Công an cấp xã tổng hợp nhu cầu phương tiện, thiết bị cần trang bị cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở gửi Công an cấp huyện báo cáo Công an cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo về Bộ Công an để có kế hoạch mua sắm, trang bị.

b) Trường hợp trang bị phương tiện, thiết bị cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở do ngân sách địa phương hỗ trợ mua sắm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Luật lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Công an cấp xã tổng hợp nhu cầu phương tiện, thiết bị cần trang bị, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp có kế hoạch hoặc trình Ủy ban nhân dân cấp trên kế hoạch hỗ trợ mua sắm, trang bị phương tiện, thiết bị cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương.

3. Căn cứ số lượng, loại phương tiện, thiết bị được trang bị, Công an cấp xã đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định loại, số lượng phương tiện, thiết bị trang bị cho từng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và loại phương tiện, thiết bị sử dụng chung của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

Điều 5. Điều kiện, mức hưởng, trình tự, thủ tục và cơ quan có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để chi trả chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ

1. Điều kiện được hưởng chế độ theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trong thời gian thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công, kế hoạch của cấp có thẩm quyền hoặc khi được điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ, nếu bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương thì được khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.

2. Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở không được khám bệnh, chữa bệnh nếu bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương trong các trường hợp sau đây: Cố ý tự hủy hoại sức khỏe của bản thân hoặc tai nạn do mâu thuẫn của chính bản thân với người gây ra tai nạn mà không liên quan đến thực hiện nhiệm vụ hoặc tai nạn do sử dụng rượu, bia, sử dụng chất ma túy, tiền chất ma túy hoặc chất gây nghiện khác theo quy định của pháp luật.

3. Mức hưởng:

Chi phí khám bệnh, chữa bệnh như mức hưởng bảo hiểm y tế cho hạ sĩ quan Công an nhân dân. Trong thời gian điều trị nội trú được hỗ trợ tiền ăn hàng ngày bằng mức tiền ăn cơ bản của chiến sĩ nghĩa vụ Công an nhân dân. Trường hợp đang điều trị nội trú, nhưng hết thời gian làm nhiệm vụ thì được thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và tiền ăn hàng ngày nhưng tối đa không quá 15 ngày; nếu hết 15 ngày bệnh vẫn chưa ổn định thì điều trị đến khi ổn định và được thanh toán 100% tiền khám, chữa bệnh.

4. Hồ sơ:

a) Đơn đề nghị thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh của người được hưởng chế độ bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương hoặc người đại diện hợp pháp (Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

b) Phiếu xét nghiệm, đơn thuốc, hóa đơn thu tiền, giấy xuất viện.

c) Xác nhận của cấp có thẩm quyền phân công thực hiện nhiệm vụ hoặc xác nhận, quyết định về việc điều động, huy động, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền.

5. Trình tự giải quyết:

a) Người đề nghị được hưởng chế độ bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương hoặc người đại diện hợp pháp chuẩn bị 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này và nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ phải có trách nhiệm hướng dẫn để hoàn thiện. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện hồ sơ để thẩm định.

c) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm thẩm định hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định chi trả kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho người bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết thì cơ quan thẩm định phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định chi trả kinh phí, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện chi trả kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho người bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương; nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã do Công an cấp huyện thực hiện chi trả; việc chi trả bằng hình thức chuyển khoản hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nhận tại cơ quan chi trả.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện bảo đảm kinh phí để thực hiện chi trả chế độ, chính sách quy định tại Điều này.

Điều 6. Điều kiện, mức hưởng, trình tự, thủ tục và cơ quan có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để chi trả chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ

1. Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trong trường hợp sau:

a) Trong thời gian thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công, kế hoạch của cấp có thẩm quyền hoặc khi được điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ.

b) Trong khoảng thời gian và tuyến đường đi và về từ nơi ở đến nơi thực hiện nhiệm vụ.

2. Các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này bị tai nạn không được hưởng chế độ trợ cấp.

3. Mức hưởng:

a) Trường hợp bị tai nạn: Trong thời gian điều trị tai nạn được hưởng chế độ như quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này, kể cả trường hợp vết thương tái phát cho đến khi xuất viện.

b) Trường hợp bị tai nạn dẫn đến chết hoặc trường hợp bị ốm đau dẫn đến chết: Thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí theo mức do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

4. Hồ sơ:

a) Hồ sơ hưởng trợ cấp tai nạn gồm: Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) kèm theo giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án sau khi điều trị tai nạn đối với trường hợp điều trị nội trú hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị cấp, biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên; trường hợp bị tai nạn giao thông thì có thêm biên bản của cơ quan Công an.

b) Hồ sơ hưởng trợ cấp chết gồm: Đơn đề nghị trợ cấp chết (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) kèm theo giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án sau khi điều trị tai nạn đối với trường hợp điều trị nội trú, bản sao giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử; trường hợp bị tai nạn giao thông dẫn đến chết thì có thêm biên bản của cơ quan Công an.

5. Trình tự giải quyết:

a) Người đề nghị được hưởng chế độ hoặc người đại diện hợp pháp chuẩn bị 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này và nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ phải có trách nhiệm hướng dẫn để hoàn thiện. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện hồ sơ để thẩm định.

c) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm thẩm định hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp có công văn kèm theo hồ sơ gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết thì cơ quan thẩm định phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

d) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh có trách nhiệm thẩm định hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trợ cấp cho người bị tai nạn, thân nhân người đã chết.

đ) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định chi trả, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện chi trả trợ cấp cho người bị tai nạn, thân nhân người đã chết; nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã do Công an cấp huyện thực hiện chi trả; việc chi trả bằng hình thức chuyển khoản hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nhận tại cơ quan chi trả.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bảo đảm kinh phí để thực hiện chi trả chế độ, chính sách quy định tại Điều này.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2)

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

Phụ lục
(Ban hành kèm theo Nghị định số/2024/NĐ-CP
ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THANH TOÁN CHI PHÍ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân(1)...

Họ và tên người đề nghị:(2)

Địa chỉ cư trú:Số điện thoại:..... Hộp thư điện tử:.....

Số Chứng minh nhân dân (Căn cước công dân):

Số tài khoản:

(Trình bày tóm tắt lý do, thời gian, nơi khám bệnh, chữa bệnh):.....

.....

Tôi xin đề nghị được thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho ..(3)..

Số tiền đề nghị thanh toán là:đồng.

Bằng chữ

Xin gửi kèm theo Đơn này: Phiếu xét nghiệm; đơn thuốc; hóa đơn thu tiền;
giấy xuất viện.

Kính đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

....(4).... ngày tháng.... năm.....

NGƯỜI VIẾT ĐƠN (5)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Ghi cụ thể tên Ủy ban nhân dân cấp huyện.

(2) (5) Họ và tên của người đề nghị được hưởng chế độ bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương trực tiếp viết đơn hoặc người đại diện hợp pháp viết đơn phải ghi rõ quan hệ với người đề nghị được hưởng chế độ bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương.

(3) Người được hưởng chế độ.

(4) Địa danh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
TRỢ CẤP TAI NẠN, TRỢ CẤP CHẾT

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân(1)...

Họ và tên người đề nghị:(2)

Địa chỉ cư trú:Số điện thoại..... Hộp thư điện tử:

Số Chứng minh nhân dân (Căn cước công dân):

Số tài khoản:

(Trình bày tóm tắt lý do, thời gian, nơi bị tai nạn hoặc chết).....

Tôi xin đề nghị được thanh toán trợ cấp tai nạn (chết) cho.....(3).....

Số tiền đề nghị thanh toán là:đồng.

Bằng chữ

Xin gửi kèm theo Đơn này: Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án sau khi điều trị tai nạn đối với trường hợp điều trị nội trú hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích; biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên; trường hợp bị tai nạn giao thông thì có thêm biên bản của cơ quan công an; bản sao giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử (nếu chết).

Kính đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

....(4).... ngày tháng.... năm.....

NGƯỜI VIẾT ĐƠN (5)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Ghi cụ thể tên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(2) (5) Họ và tên của người đề nghị được hưởng chế độ trợ cấp tai nạn trực tiếp viết đơn hoặc người đại diện hợp pháp viết đơn đối với người đề nghị được hưởng chế độ trợ cấp tai nạn (hoặc đề nghị trợ cấp chết) phải ghi rõ quan hệ với người đề nghị được hưởng chế độ.

(3) Người được hưởng chế độ.

(4) Địa danh.

Số: /V03-P3

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Dự thảo Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Kính gửi: Đồng chí Đại tướng Tô Lâm
Bộ trưởng Bộ Công

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Ngày 28/11/2023, Quốc hội đã thông qua Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024. Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được Quốc hội thông qua đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng, vững chắc, toàn diện cho xây dựng, củng cố, duy trì lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, kịp thời đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới và góp phần kiện toàn, sắp xếp, bố trí lực lượng, tinh gọn đầu mối gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của từng tổ chức cơ sở; bảo đảm thực hiện tốt hơn các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân.

2. Về nội dung Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành, cụ thể như sau:

- Khoản 4 Điều 15 quy định: *Bộ trưởng Bộ Công an quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục tuyển chọn Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.*

- Khoản 5 Điều 16 quy định: *Bộ trưởng Bộ Công an quy định trình tự, thủ tục thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, công nhận thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.*

- Khoản 4 Điều 17 quy định: *Bộ trưởng Bộ Công an quy định trình tự, thủ tục điều chỉnh số lượng thành viên, số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.*

- Điều 18 quy định: *Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được huấn luyện, bồi dưỡng về chính trị, pháp luật, nghiệp vụ, tham gia diễn tập, hội thi theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.*

- Khoản 3 Điều 21 giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết về trang bị công cụ hỗ trợ cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

- Khoản 2 Điều 22 quy định: *Việc cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi, quản lý, sử dụng biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.*

- Khoản 5 Điều 28 quy định: *Hướng dẫn tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng trong lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.*

Từ những căn cứ nêu trên và để tạo cơ sở pháp lý thống nhất tổ chức thi hành Luật thì việc ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG THÔNG TƯ

1. Mục đích xây dựng Thông tư

- Cụ thể hóa quy định của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở về xây dựng, tuyển chọn, thành lập, công nhận thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, cho thôi tham gia hoạt động và bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

- Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, tương xứng hơn trong xây dựng, hoạt động, quản lý, sử dụng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, góp phần phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác về an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Thông tư

- Tuân thủ Hiến pháp, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; bảo đảm các quy định của Thông tư được cụ thể và có tính khả thi.

- Kế thừa các quy định pháp luật còn phù hợp, khắc phục những hạn chế, bất cập để xây dựng, kiện toàn lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày càng vững mạnh, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

Dự thảo Thông tư đã được xây dựng trên cơ sở bám sát nội dung đã được Luật giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết trong Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Dự thảo Thông tư đã được gửi lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Công an các đơn vị, địa phương và đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an để lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định. Các ý kiến tham gia đã được tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Thông tư trình Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, ban hành.

IV. BÓ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

Dự thảo Thông tư gồm 03 chương, 11 Điều với những nội dung cơ bản như sau:

1. Chương I về quy định chung, gồm 02 Điều (Điều 1 và Điều 2), quy định về: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

2. Chương II về quy định cụ thể, gồm 06 Điều (từ Điều 3 đến Điều 8), quy định về: Hồ sơ, trình tự, thủ tục tuyển chọn Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; trình tự, thủ tục thành lập, công nhận thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; trình tự, thủ tục điều chỉnh số lượng thành viên, số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; huấn luyện, bồi dưỡng, diễn tập, hội thi đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi, quản lý, sử dụng biên hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; trang bị công cụ hỗ trợ cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

3. Chương III về tổ chức thực hiện, gồm 03 Điều (từ Điều 9 đến Điều 11), quy định về: Hiệu lực thi hành; sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 9 Thông tư số 17/2018/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; trách nhiệm thi hành.

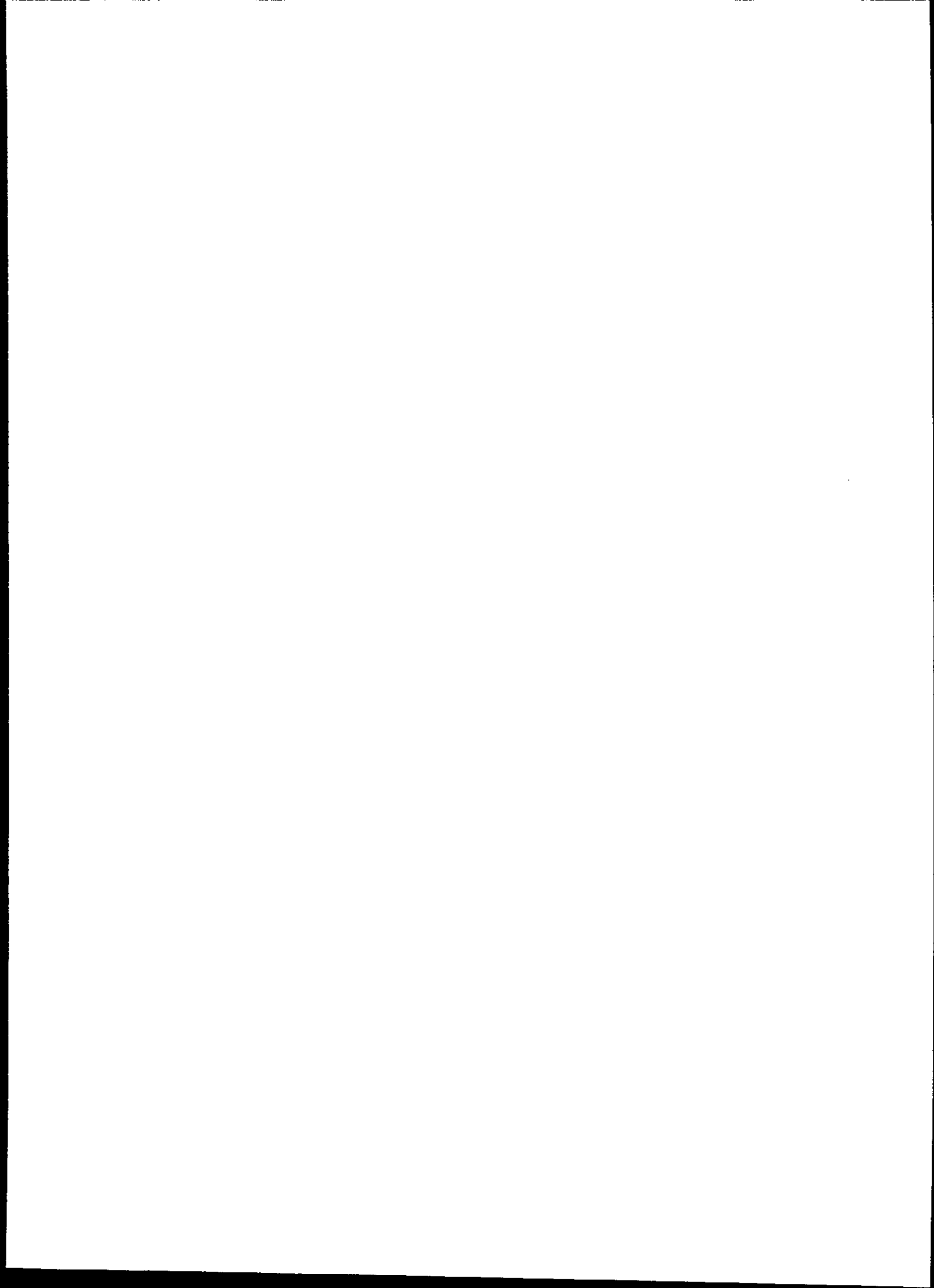
Trên đây là Tờ trình dự thảo Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp xin kính trình đồng chí Bộ trưởng xem xét, duyệt, ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P3.

CỤC TRƯỞNG

Thiếu tướng Phạm Công Nguyên



Số: /2023/TT-BCA

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Dự thảo

THÔNG TƯ
**Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng
tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở**

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về: Hồ sơ, trình tự, thủ tục tuyển chọn Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; trình tự, thủ tục thành lập, công nhận thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; trình tự, thủ tục điều chỉnh số lượng thành viên, số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; huấn luyện, bồi dưỡng, diễn tập, hội thi đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi, quản lý, sử dụng biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; trang bị công cụ hỗ trợ cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xây dựng lực lượng, bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục tuyển chọn Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Hồ sơ tuyển chọn gồm: Đơn đề nghị tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; bản khai sơ yếu lý lịch cá nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi cư trú; giấy

chứng nhận sức khoẻ; bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận trình độ văn hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 13 của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

2. Xây dựng kế hoạch, thông báo công khai kế hoạch tuyển chọn:

a) Công an cấp xã giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng kế hoạch tuyển chọn Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Nội dung kế hoạch gồm: Mục đích, yêu cầu, tiêu chuẩn, điều kiện, thành phần hồ sơ, số lượng Tổ viên cần tuyển chọn, thời hạn và địa điểm tiếp nhận hồ sơ; thời gian tổ chức xét tuyển; các nội dung khác có liên quan.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức niêm yết công khai kế hoạch tuyển chọn tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, tại nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở thôn, tổ dân phố.

3. Tiếp nhận hồ sơ, thông báo công khai danh sách người dự tuyển:

a) Công an cấp xã tổ chức tiếp nhận hồ sơ dự tuyển. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc chưa hợp lệ theo quy định thì bộ phận tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo ngay khi tiếp nhận và hướng dẫn để hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

b) Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ, Công an cấp xã lập danh sách công dân dự tuyển, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức niêm yết công khai danh sách công dân dự tuyển tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, tại nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở thôn, tổ dân phố trong thời hạn 15 ngày làm việc trước ngày tổ chức xét tuyển.

4. Thành lập Hội đồng xét tuyển:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Hội đồng xét tuyển, thành phần gồm Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng Công an cấp xã hoặc Phó trưởng Công an cấp xã, các thành viên là Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố và đại diện tổ chức đoàn thể ở cấp xã. Số lượng thành viên Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

5. Tổ chức họp xét tuyển:

a) Thời gian tổ chức họp xét tuyển được thực hiện sau khi kết thúc thời hạn niêm yết công khai danh sách công dân dự tuyển và do Chủ tịch Hội đồng xét tuyển quyết định về thời gian;

Hội đồng xét tuyển tổ chức họp khi có quá nửa tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển tham dự.

b) Nội dung xét tuyển căn cứ trên cơ sở hồ sơ tuyển chọn, các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 13 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

6. Trình tự thực hiện tại cuộc họp:

a) Tại cuộc họp, Chủ tịch hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp và thông báo: Danh sách, lý lịch của công dân dự tuyển; tiêu chuẩn, điều kiện của Tổ viên; danh sách thành viên Hội đồng xét tuyển; hình thức xét tuyển; thư ký cuộc họp và các nội dung khác có liên quan;

b) Trường hợp xét tuyển bằng hình thức giơ tay biểu quyết công khai, thư ký cuộc họp đếm số thành viên Hội đồng xét tuyển biểu quyết; lập Biên bản kết quả xét tuyển có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng xét tuyển, thư ký cuộc họp và thông báo công khai tại cuộc họp (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

Trường hợp xét tuyển bằng hình thức bỏ phiếu kín thì mẫu phiếu có đóng dấu cheo của Công an cấp xã. Hội đồng xét tuyển giới thiệu Tổ kiểm phiếu gồm Tổ trưởng, Tổ phó, Ủy viên, Thư ký Tổ kiểm phiếu. Tổ kiểm phiếu kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu; lập Biên bản kết quả xét tuyển có xác nhận của Tổ trưởng, Thư ký Tổ kiểm phiếu và thông báo công khai tại cuộc họp (Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

7. Kết quả xét tuyển và niêm yết công khai kết quả xét tuyển:

a) Công dân được xét tuyển là Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự phải được quá nửa tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt biểu quyết nhất trí; trường hợp kết quả biểu quyết ngang nhau thì Chủ tịch Hội đồng xét tuyển quyết định;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày lập Biên bản kết quả xét tuyển, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức niêm yết công khai Biên bản kết quả xét tuyển tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, tại nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở thôn, tổ dân phố và giao Công an cấp xã thông báo kết quả xét tuyển đến địa chỉ của công dân dự tuyển, thông báo thời gian đến nhận nhiệm vụ trong trường hợp được tuyển chọn.

Điều 4. Trình tự, thủ tục thành lập, công nhận thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Căn cứ kết quả xét tuyển, Công an cấp xã có văn bản kèm theo các tài liệu sau đây báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ra quyết định thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, quyết định công nhận Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: Biên bản kết quả xét tuyển; danh sách đề nghị công nhận Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự (Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này); danh sách giới thiệu đề nghị công nhận là Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Tại thôn, tổ dân phố đã bổ nhiệm Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng theo quy định của pháp luật phòng cháy và chữa cháy quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, Công an cấp xã căn cứ năng lực, trình độ chuyên môn của người đã được bổ nhiệm Đội trưởng, Đội

phó đội dân phòng có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định công nhận là Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự (Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này), quyết định công nhận Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự (Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) và niêm yết công khai tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, tại nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở thôn, tổ dân phố.

Điều 5. Trình tự, thủ tục điều chỉnh số lượng thành viên, số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Trường hợp bổ sung thành viên, bổ sung Tổ bảo vệ an ninh, trật tự quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 17 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này.

2. Điều chỉnh tăng, giảm số lượng thành viên, số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 17 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, việc điều chỉnh tăng, giảm số lượng thành viên, số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự thực hiện theo quy định sau đây:

a) Trường hợp tăng số lượng thành viên, tăng số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này;

b) Trường hợp giảm số lượng thành viên, giảm số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: Công an cấp xã chủ trì, phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ra quyết định cho thôi là thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, giải thể Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo của Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định cho thôi là thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, giải thể Tổ bảo vệ an ninh, trật tự (Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) và niêm yết công khai tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, tại nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở thôn, tổ dân phố.

3. Cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở:

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 17 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Công an cấp xã chủ trì tiếp nhận đơn xin thôi tham gia lực lượng và trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn, Công an cấp xã phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố xem xét, có văn bản kèm theo Báo cáo đề nghị cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở (Mẫu

số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

b) Đối với trường hợp quy định tại các điểm b, c, d khoản 3 Điều 17 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Công an cấp xã chủ trì, phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố tập hợp thôn tin, tài liệu, có văn bản kèm theo Báo cáo đề nghị cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở (Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) và niêm yết công khai tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, tại nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở thôn, tổ dân phố.

Điều 6. Huấn luyện, bồi dưỡng, diễn tập, hội thi đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Huấn luyện, bồi dưỡng về chính trị, pháp luật:

a) Khái quát về pháp luật lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

b) Khái quát về pháp luật có liên quan đến thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

c) Một số vấn đề cơ bản về tổ chức và hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

d) Quan điểm chỉ đạo, yêu cầu xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

đ) Một số vấn đề cơ bản về tổ chức và hoạt động của chính quyền cơ sở và Công an cấp xã.

2. Huấn luyện, bồi dưỡng về nghiệp vụ:

a) Chuyên đề 1: Hỗ trợ nắm tình hình về an ninh, trật tự:

Tầm quan trọng của công tác nắm tình hình;

Nội dung, yêu cầu nắm tình hình;

Phương pháp nắm tình hình;

Chế độ thông tin, báo cáo.

b) Chuyên đề 2: Hỗ trợ xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc:

Vị trí, vai trò của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

Nội dung, phương pháp tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân chính sách, pháp luật về bảo đảm an ninh, trật tự;

Nội dung, phương pháp vận động nhân dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội;

Nội dung, phương pháp xây dựng, nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở cơ sở;

c) Chuyên đề 3: Hỗ trợ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

Nội dung công tác phòng cháy, chữa cháy;

Nội dung công tác cứu nạn, cứu hộ.

d) Chuyên đề 4: Hỗ trợ quản lý hành chính về trật tự xã hội:

Nội dung, phương pháp nắm thông tin nhân khẩu, kiểm tra nhân khẩu, tạm trú, tạm vắng, giấy tờ tùy thân của công dân trên địa bàn;

Nội dung, phương pháp quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự;

Nội dung quản lý pháo, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

đ) Chuyên đề 5: Hỗ trợ vận động, giáo dục người đã có hành vi vi phạm pháp luật đang cư trú tại cơ sở:

Giới thiệu một số văn bản quy phạm pháp luật về quản lý người đã có hành vi vi phạm pháp luật đang cư trú tại cơ sở;

Nội dung, phương pháp vận động, giáo dục người đã có hành vi vi phạm pháp luật đang cư trú tại cơ sở.

e) Chuyên đề 6: Hỗ trợ tuần tra bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông; thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự khi được điều động:

Nội dung bảo đảm trật tự, an toàn giao thông;

Nội dung tuần tra bảo đảm an ninh, trật tự;

Điều động thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự ngoài địa bàn phụ trách.

3. Phương pháp bồi dưỡng, huấn luyện: Kết hợp giữa giảng lý thuyết với thực hành:

4. Diễn tập: Hằng năm, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở, Công an các địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức diễn tập cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo một số tình huống sau đây:

a) Tình huống 1: Trực tiếp phát hiện vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, tệ nạn xã hội, bạo lực gia đình trên địa bàn phụ trách;

b) Tình huống 2: Tham gia cùng Công an cấp xã kiểm tra nhân khẩu, tạm trú, tạm vắng, giấy tờ tùy thân của công dân trên địa bàn phụ trách; kiểm tra các cơ sở

đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; phát hiện các trường hợp vi phạm quy định về quản lý, sử dụng pháo, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ;

c) Tình huống 3: Tham gia vận động, giáo dục người đã có hành vi vi phạm pháp luật đang cư trú tại cơ sở;

d) Tình huống 4: Hỗ trợ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

đ) Tình huống 5: Bảo vệ hiện trường, bảo vệ an ninh, trật tự, cấp cứu người bị nạn;

e) Tình huống 6: Bắt người phạm tội quả tang, người đang bị truy nã;

g) Tình huống 7: Giải quyết mâu thuẫn trong nhân dân;

h) Tình huống 8: Phân luồng, giải quyết ùn tắc giao thông;

5. Hội thi:

a) Do địa phương tổ chức: Hằng năm, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở, Công an các địa phương tham mưu cho chính quyền địa phương cùng cấp tổ chức hội thi lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở (tổ chức tại cấp huyện, cấp tỉnh);

b) Do Bộ Công an tổ chức: Định kỳ 05 năm, Cục Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc chủ trì xây dựng kế hoạch và tổ chức hội thi của Bộ Công an về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở toàn quốc.

6. Cục Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc chủ trì biên soạn tài liệu huấn luyện, bồi dưỡng theo nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và phát hành tài liệu đến Công an các địa phương.

7. Công an các địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng về chính trị, pháp luật, nghiệp vụ cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo tài liệu do Cục Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc chủ trì biên soạn.

Điều 7. Cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi, quản lý, sử dụng biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được cấp, sử dụng biển hiệu, giấy chứng nhận để thực hiện nhiệm vụ và có trách nhiệm quản lý, bảo quản, xuất trình khi có yêu cầu kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

2. Biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị hư hỏng, hết hạn, thay đổi thông tin được cấp đổi, bị mất được cấp lại. Thẩm quyền cấp, cấp đổi, cấp lại và quản lý việc cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở quy định tại điểm c khoản 4 Điều 3 Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

3. Biển hiệu được sử dụng đeo ở ngực bên trái; khi đeo mép trên của biển hiệu ngang với cúc áo thứ hai từ trên xuống. Người được cấp biển hiệu, giấy

chứng nhận có trách nhiệm quản lý, bảo quản và không được cho người khác mượn hoặc sử dụng; nếu bị mất hoặc hư hỏng phải báo cáo ngay Công an cấp xã trực tiếp quản lý; khi không còn là thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự hoặc cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phải nộp lại biên hiệu, giấy chứng nhận cho Công an cấp xã trực tiếp quản lý để chuyển Ủy ban nhân dân cấp xã thu hồi.

Điều 8. Trang bị công cụ hỗ trợ cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Bộ Công an trang bị công cụ hỗ trợ cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở do ngân sách trung ương bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

2. Hằng năm, Công an cấp xã tổng hợp nhu cầu số lượng, loại công cụ hỗ trợ trang bị cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở gửi Công an cấp huyện tổng hợp, gửi Công an cấp tỉnh báo cáo về Bộ Công an để có kế hoạch mua sắm, trang bị.

3. Căn cứ số lượng, loại công cụ hỗ trợ được trang bị, Công an cấp xã xem xét, quyết định loại, số lượng công cụ hỗ trợ trang bị cho từng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và loại công cụ hỗ trợ sử dụng chung của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự khi thực hiện nhiệm vụ.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 9 Thông tư số 17/2018/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 9 như sau:

“4. Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được xem xét trang bị công cụ hỗ trợ thuộc các loại sau: Dùi cui cao su, dùi cui kim loại, áo giáp, găng tay bắt dao.”.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc cơ quan Bộ, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp) để kịp thời hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công an các đơn vị, địa phương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03 (P3).

BỘ TRƯỞNG**Đại tướng Tô Lâm**

PHỤC LỤC

**Biểu mẫu sử dụng trong xây dựng, hoạt động của lực lượng
tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ngày /.../2024 của Bộ trưởng Bộ Công an
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng
tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở)*

Mẫu số 01

.....(1).....
.....(2).....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN

**KẾT QUẢ BỎ PHIẾU XÉT TUYỂN TỔ VIÊN
TỔ BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ**

Hôm nay, vào.....giờ....., ngày.....tháng.....năm.....

Tại:.....(3).....

Đã tổ chức họp Hội đồng xét tuyển Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; cụ thể:

1. Danh sách thành viên Hội đồng xét tuyển dự họp:

- Chủ tịch Hội đồng:

Ông (Bà):.....

- Phó Chủ tịch Hội đồng:

Ông (Bà):.....

- Thành viên gồm:

Ông (Bà):.....

Ông (Bà):.....

Ông (Bà):.....

Ông (Bà):.....

2. Danh sách thành viên Tổ kiểm phiếu:

- Tổ trưởng:

Ông (Bà):.....

- Tổ phó:

Ông (Bà):.....

- Ủy viên gồm:

Biên bản được lập vào..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Biên bản này được đọc công khai tại cuộc họp.

THƯ KÝ TỔ KIỂM PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi cụ thể tên Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).
- (2) Thôn, tổ dân phố thuộc cấp xã (hoặc huyện không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).
- (3) Địa chỉ nơi tổ chức họp xét tuyển Tổ viên.
- (4) Ghi cụ thể số thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt trên tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển theo quyết định thành lập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

.....(1)..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
(2).....

BIÊN BẢN
KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CÔNG KHAI XÉT TUYỂN TỔ VIÊN
TỔ BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ

Hôm nay, vào.....giờ....., ngày.....tháng.....năm.....

Tại:.....(3).....

Đã tổ chức họp Hội đồng xét tuyển Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

Danh sách thành viên Hội đồng xét tuyển dự họp:

- Chủ tịch Hội đồng:

Ông (Bà):.....

- Phó Chủ tịch Hội đồng:

Ông (Bà):.....

- Thành viên gồm:

Ông (Bà):.....

Ông (Bà):.....

Ông (Bà):.....

Ông (Bà):.....

Kết quả biểu quyết bằng hình thức giơ tay:

Stt	Họ và tên công dân tham gia xét tuyển	Tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt biểu quyết nhất trí (4)	Tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt biểu quyết không nhất trí (4)	Số phiếu (tỷ lệ %)

Cuộc họp kết thúc vào..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Biên bản này được đọc công khai tại cuộc họp.

THƯ KÝ CUỘC HỌP
(Ký và ghi rõ họ tên)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi cụ thể tên Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).
- (2) Thôn, tổ dân phố thuộc cấp xã (hoặc huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).
- (3) Địa chỉ nơi tổ chức họp xét tuyển Tổ viên.
- (4) Ghi cụ thể số thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt trên tổng số thành viên Hội đồng xét tuyển theo quyết định thành lập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

.....(1).....
(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Đề nghị công nhận Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân(3).....

Căn cứ kết quả xét tuyển Tổ viên (có biên bản gửi kèm), Công an ...(4).....
 đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân(5).....
 xem xét, quyết định công nhận Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự đối với các
 ông (bà) có tên sau đây:

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Số thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt biểu quyết nhất trí (tỷ lệ %)

TM. CÔNG AN ...(6).....
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi cụ thể tên Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).
 (2),(4),(6) Công an cấp xã (hoặc huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).
 (3),(5) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2).....

DANH SÁCH

**Giới thiệu đề nghị công nhận là Tổ trưởng, Tổ phó
Tổ bảo vệ an ninh, trật tự**

Kính gửi:(3).....

Căn cứ kết quả xét tuyển Tổ viên (có biên bản gửi kèm), Công an ...(4).....

Giới thiệu các ông (bà) có tên sau đây và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân(5)..... xem xét, quyết định công nhận là Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự:

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Tỷ lệ % số thành viên Hội đồng xét tuyển có mặt biểu quyết nhất trí

TM. CÔNG AN ...(6).....

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi cụ thể tên Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).
 (2),(4),(6) Công an cấp xã (hoặc huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).
 (3),(5) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2).....

BÁO CÁO**Đề nghị cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ
an ninh, trật tự ở cơ sở****Kính gửi:(3).....**

Căn cứ quy định về trường hợp cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, Công an(4)..... đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân.....(5) xem xét, quyết định cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đối với ông (bà):.....

Thành viên:.....(6).....

Lý do thôi tham gia:.....(7).....

- Ý kiến của Trưởng ban công tác Mặt trận:.....

- Ý kiến của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố:.....

- Ý kiến của Công an(8).....

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân(9).....xem xét, quyết định./.

TM. CÔNG AN ...(10)...*(Ký và ghi rõ họ tên)***Ghi chú:**

(1) Ghi cụ thể tên Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).

(2),(4) (8) (10) Công an cấp xã (hoặc huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).

(3),(5) (9) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã).

(6) Ghi cụ thể thành viên là Tổ trưởng hoặc Tổ phó, Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

(7) Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 17 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đề nghị cho phù hợp.

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC(2) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-.. (3)...

(4)...., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc(5).....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (6)

Căn cứ..... (7).....

Căn cứ.....

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1(8).....

Điều

Nơi nhận:

- Như Điều....;

- Lưu: VT ..(9)....(10)...

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu của cơ quan, tổ chức)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành Quyết định.

(3) Chữ viết tắt của cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành Quyết định.

(4) Địa danh.

(5) Trích yếu nội dung quyết định (ví dụ Quyết định về việc công nhận Tổ viên, Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; Quyết định về việc thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; Quyết định về việc cho thôi tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở...).

(6) Thẩm quyền ban hành quyết định thuộc về người đứng đầu cơ quan, tổ chức thì ghi chức vụ của người đứng đầu; nếu thẩm quyền ban hành quyết định thuộc về tập thể lãnh đạo hoặc cơ quan, tổ chức thì ghi tên tập thể hoặc tên cơ quan, tổ chức đó.

(7) Các căn cứ để ban hành quyết định.

(8) Nội dung quyết định.

(9) Chữ viết tắt đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(10) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).